

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VỊ THANH  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 6 - 2024

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi  
con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Cao Chí Khả

2. Bà Phạm Kim Ngọc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Sơn Thanh Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2024 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thị Bé N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Ông Trương Hữu P, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà N có vắng mặt; bị đơn ông P vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

*Nguyên đơn bà Thị Bé N trình bày:* Bà và ông Trương Hữu P có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang vào ngày 16/6/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống,

không thể hòa hợp, thường xuyên xảy ra cự cãi, nay tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Trương Hữu P.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên Trương Thị Thu T, sinh ngày 04/10/2005 và Trương Thị Hồng C, sinh ngày 30/12/2009, hiện nay, hai con chung do bà nuôi dưỡng. Khi ly hôn, cháu T đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét; yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu C và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về nợ chung: không có.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Trương Hữu P:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho ông P theo quy định pháp luật, nhưng ông P không đến Tòa án để trình bày ý kiến.

- Ý kiến của con chung Trương Thị Hồng C có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Thị Bé N khởi kiện ông Trương Hữu P có địa chỉ cư trú tại xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông P ly hôn, nuôi con nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị Bé N và ông Trương Hữu P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang vào ngày 16/6/2008 đúng theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn.

Xét, nguyên nhân mâu thuẫn, bà N cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, Tòa án tiến hành thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông P, nhưng ông P không đến Tòa án để trình bày ý kiến, cũng như đề Tòa án tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhận thấy ông P đã bỏ mặc cuộc hôn nhân này; do đó, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N ly hôn ông P là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật của hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung, tên Trương Thị Thu T (giới tính: Nữ), sinh ngày 04/10/2005 đã trưởng thành và Trương Thị Hồng C (giới tính: Nữ), sinh

ngày 30/12/2009. Hiện nay, cháu C đang sống với bà N, khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu C; ông P không có ý kiến gì phản hồi về việc nuôi con chung và cháu C có nguyện vọng sống với mẹ. Xét, căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu C cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp và đảm bảo ổn định sự phát triển tâm sinh lý của con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu, nên không xem xét.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không có.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà N phải chịu 300.000 đồng, được chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000860 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị Bé N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị Bé N ly hôn với ông Trương Hữu P
2. Về con chung: Cháu Trương Thị Thu T (giới tính: Nữ), sinh ngày 04/10/2005 đã trưởng thành, không xem xét. Giao cháu Trương Thị Hồng C (giới tính: Nữ), sinh ngày 30/12/2009 cho bà Thị Bé N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Trương Hữu P không ai được quyền cản trở.
3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.
4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không xem xét giải quyết.
5. Về nợ chung: Không có.
6. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng, được chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000860 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí.
7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Thị Bé N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và bị đơn ông

Trương Hữu P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*Nơi nhận:*

- Đương sự;
- VKSND Tp Vị Thanh;
- Cơ quan THADS Tp Vị Thanh;
- UBND xã Hòa Lự, Tp Vị Thanh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**Trần Thị P1**